

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/3/2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

Ông Huỳnh Bá Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Linh Phương**- Thư ký TAND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoà**- Kiểm sát viên.

Ngày 16/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Ngọc A**- Sinh năm: 1984- Địa chỉ: Tổ 04 phường H, quận N, Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn L**- Luật sư văn phòng luật sư Tân Hoà thuộc Đoàn Luật sư Tp Đà Nẵng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn*: Bà **Hồ Thị C**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 04 phường H, quận N, Tp Đà Nẵng. *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Trần Ngọc A trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông A và bà C tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp, hai bên không phù hợp về mọi mặt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại ông A xác định không còn tình cảm với bà C, mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C.

- *Về con chung*: Ông Trần Ngọc A xác định vợ chồng có 02 con chung Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015. Khi ly hôn, ông A có nguyện vọng giao con chung Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/01 con/ 01 tháng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Ông Trần Ngọc A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Trần Ngọc A xác định không có.

*** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn – bà Hồ Thị C trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông A tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng mấy

năm về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn quay về với nhau. Do vậy bà không đồng ý ly hôn với ông Trần Ngọc A.

- *Về con chung*: Bà Hồ Thị C xác định vợ chồng có 02 con chung Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015. Nếu Tòa án giải quyết vợ chồng ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa, bà C yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Qua tranh tụng tại phiên tòa, ông A và bà C thống nhất như sau: ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con 8.000.000 đồng/01 tháng (4.000.000 đồng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Bà Hồ Thị C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Hồ Thị C xác định không có.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn- ông Nguyễn Văn Lợi đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc A đối với bà Hồ Thị C.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015 cho bà Hồ Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Trần Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con 8.000.000 đồng/tháng (4.000.000 đồng/con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

- Về nợ chung: Ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C xác định vợ chồng không có, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc A nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND phường Hoà Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số: 131, cấp ngày 30/11/2004. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại tổ 04, phường Hoà Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống của cả hai không hợp nhau về mọi mặt dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi vã và không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của ông bà đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Ông A và bà C đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay ông Trần Ngọc A xác định không còn yêu thương bà Hồ Thị C nữa, ông xin được ly hôn. Về phía bị đơn- bà C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được nên bà C không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra, mặc dù hai bên đã tìm cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng hạnh phúc gia đình trong một thời gian từ năm 2021 cho đến nay nhưng vẫn không có kết quả; xác minh tại địa phương thì được biết hiện tại ông A và bà C không còn chung sống với nhau hơn một năm nay. Qua phần trình bày của các bên đương sự tại phiên toà, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Ngọc A đối với bà Hồ Thị C là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C xác định có 02 con chung là: Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015. Tại phiên toà, ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C thống nhất giao cả 02 con cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông Trần Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng 8.000.000 đồng (4.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2023, vào ngày 16 hàng tháng.

Xét sự thoả thuận của các bên đương sự về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung,

phù hợp với điều kiện kinh tế, phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C xác định không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C xác định vợ chồng không có, nên không đề cập đến.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Ngọc A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của ông Trần Ngọc A đối với bà Hồ Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Ngọc A được ly hôn bà Hồ Thị C.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Ngọc A đối với bà Hồ Thị C nên giấy chứng nhận kết hôn số 131 do UBND phường H, quận N, Tp Đà Nẵng cấp cho ông Trần Ngọc A và bà Hồ Thị C ngày 30/11/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thoả thuận của các bên đương sự như sau: Giao con chung Trần Đức N, sinh ngày 02/5/2006 và Trần Nguyên P, sinh ngày 25/02/2015 cho bà Hồ Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; ông Trần Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con

mỗi tháng 8.000.000 đồng (4.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4/2023, vào ngày 16 hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Ngọc A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Ngọc A đã nộp tại biên lai thu số 1354 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

4. Án phí cấp dưỡng: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Trần Ngọc A phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;*
- *UBND phường H;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm

